

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11-3-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Giang Thanh.

2. Ông Nguyễn Thế Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Trương Thị Mai H** - Sinh năm 1991.

ĐKKH: Thôn PK, xã VL, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Thôn TM, xã SA, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

**\* Bị đơn:** Anh **Đinh Văn P** - Sinh năm 1983.

ĐKKH: Thôn PK, xã VL, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: 259 B, G, Korea (Hàn Quốc).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Đinh Văn D** - Sinh năm 1954.

2. Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1958.

Đều trú tại địa chỉ: Thôn PK, xã VL, huyện HH, tỉnh Thái Bình

(Chị H có mặt; anh P, ông D, bà T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Nguyên đơn - chị Trương Thị Mai H trình bày:* Chị và anh Đinh Văn P kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện HH, tỉnh Thái Bình ngày 11/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình khó khăn. Cùng năm 2018 anh P đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, do khoảng cách địa lý xa xôi khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình đã động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn P.

Chị và anh Đinh Văn P có 02 con chung là Đinh Phương L, sinh ngày 17/9/2011 và Đinh Quốc C, sinh ngày 02/11/2015. Ly hôn chị và anh P thỏa thuận, chị nuôi con Đinh Phương L, anh P nuôi con Đinh Quốc C. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh P đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi con Đinh Quốc C, anh P ủy quyền cho ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ anh P) nuôi con Đinh Quốc C trong thời gian anh P lao động ở nước ngoài chị đồng ý.

Chị và anh Đinh Văn P không có tài sản chung và vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại Bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Đơn uỷ quyền về việc nuôi con sau ly hôn đề ngày 10/3/2022; Bị đơn - anh Đinh Văn P trình bày:* Anh và chị Trương Thị Mai H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện HH, tỉnh Thái Bình ngày 11/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2018 anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Đến tháng 10/2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sau đó ít liên lạc quan tâm đến nhau. Nay chị Trương Thị Mai H xin ly hôn anh đồng ý.

Anh và chị Trương Thị Mai H có 02 con chung là Đinh Phương L, sinh ngày 17/9/2011 và Đinh Quốc C, sinh ngày 02/11/2015, hiện nay con chung đang do bố mẹ anh là ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Ly hôn anh và chị H thỏa thuận, anh nuôi con Đinh Quốc C, chị H nuôi con Đinh Phương L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Do hiện nay anh đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài nên anh không thể trực tiếp nuôi con và tham gia tố tụng được, anh ủy quyền cho ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ anh) nuôi con Đinh Quốc C giúp anh trong thời gian

anh lao động ở nước ngoài và anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Anh và chị Trương Thị Mai Hương không có tài sản chung và vay nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị T trình bày:* Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Đinh Văn P, mâu thuẫn giữa anh P, chị H đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không đạt kết quả, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh P được ly hôn. Anh P và chị H có 02 con chung là Đinh Phương L, sinh ngày 17/9/2011 và Đinh Quốc C, sinh ngày 02/11/2015. Hiện nay các cháu đang do ông bà nuôi dưỡng. Ly hôn anh P và chị H thỏa thuận, anh P nuôi con Đinh Quốc C, chị H nuôi con Đinh Phương L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Tòa án chấp nhận thỏa thuận của anh P và chị H. Hiện nay, anh P đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi cháu Đinh Quốc C. Anh P ủy quyền cho ông bà nuôi cháu Đinh Quốc C giúp anh P trong thời gian anh P lao động làm ăn xa nhà ông bà đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi cháu C ông bà và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**\* Về tố tụng:** Anh Đinh Văn P, ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **\* Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mai H và anh Đinh Văn P kết hôn hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 11/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện HH, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 anh P đi lao động làm ăn ở nước ngoài, do vợ chồng xa nhau thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn phát sinh bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn, anh P đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trương Thị Mai H được ly hôn anh Đinh Văn P là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Trương Thị Mai H và anh Đinh Văn P có 02 con chung là Đinh Phương L, sinh ngày 17/9/2011 và Đinh Quốc C, sinh ngày

02/11/2015. Ly hôn chị H, anh P thỏa thuận, anh P nuôi con Đình Quốc C, chị H nuôi con Đình Phương L. Đồng thời anh P ủy quyền cho ông Đình Văn D và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ anh P) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C trong thời gian anh P lao động làm ăn ở nước ngoài, các đương sự đều nhất trí. Cháu L có đơn xin ở với mẹ. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp. Do anh P và ông D, bà T đề nghị tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi cháu C nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Mai H và anh Đình Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trương Thị Mai H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trương Thị Mai H được ly hôn anh Đình Văn P.

**2. Về quan hệ con chung:** Chị Trương Thị Mai H nuôi con chung Đình Phương L, sinh ngày 17/9/2011. Anh Đình Văn P nuôi con chung Đình Quốc C, sinh ngày 02/11/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Chấp nhận việc anh Đình Văn P ủy quyền cho ông Đình Văn D và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ anh P) nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đình Quốc C thay anh P trong thời gian anh lao động làm ăn ở nước ngoài.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trương Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005262 ngày 05/01/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Trương Thị Mai H, vắng mặt anh Đình Văn P, ông Đình Văn D và bà Nguyễn Thị T. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 01 tháng, ông D, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VL, h.HH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Phương Thảo**

